TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. RẠCH GIÁ **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **38**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 4 - 2024
V/v: *"Xin ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thu In**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đoàn Thị Liễu**

Ông **Trương Hoài Khanh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Mỹ Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Bà **Phạm Thị Thúy Kiều** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 26/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024, về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1988 (có mặt);

Địa chỉ: số 49, tổ 6, ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang.

* Bị đơn: Chị **Cao Thị Cà Đ**, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: số 394/3, đường Q, khu phố G, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 12/12/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H thống nhất trình bày:* Anh H và chị Cao Thị Cà Đ tự quen nhau, chung sống có tổ chức lễ cưới năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang ngày 05/3/2018.

Nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất

đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, nên thường xuyên xảy ra cự cãi bất hòa. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh H làm đơn xin ly hôn với chị Đ.

- Về con chung: Anh H xác định vợ chồng chung sống không có con chung và khi ly thân thì chị Đ cũng không đang mang thai.

- Về tài sản chung: Anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh H xác định không có.

* Bị đơn chị Cao Thị Cà Đ đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng chị Cao Thị Cà Đ không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS 2015).

+ *Thẩm quyền thụ lý vụ án:* Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn", nơi ở hiện nay của bị đơn là tại phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

+ *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Ngày 18/12/2023, Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá nhận được đơn khởi kiện của anh H yêu cầu được ly hôn với chị Đ. Ngày 04/01/2024, Thẩm phán thụ lý vụ án "Tranh chấp ly hôn"; xác định tư cách tham gia tố tụng của các bên đương sự, đồng thời đưa đầy đủ những người này tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS 2015; Thẩm phán tiến hành việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện Kiểm sát và đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS 2015.

+ *Về chứng cứ, chứng minh:* Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 97 BLTTDS 2015. Đồng thời, Thẩm phán đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các bên đương sự theo đúng quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 BLTTDS 2015.

+ *Chuẩn bị xét xử:* Từ khi thụ lý vụ án ngày 04/01/2024, Thẩm phán đã tiến hành các bước thu thập tài liệu, chứng cứ, tống đạt các giấy tờ hợp lệ cho các bên đương sự; ngày 15/03/2024, Thẩm phán ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2023/QĐXXST-HNGĐ là đúng hạn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 BLTTDS 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 05/3/2018, anh H cùng chị Đ tự nguyện cưới nhau theo phong tục tập quán, có đăng kí kết hôn theo quy định của pháp luật và được UBND xã Định Mỹ, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn cấp ngày 05/3/2018 (BL 04) nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo Biên bản xác minh ngày 15/01/2024 (Bl 12), chính quyền địa phương xác nhận chị Đ vẫn còn sinh sống tại địa chỉ số 394/3, đường Quang Trung, khu phố Rạch Giồng, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Nhưng thường xuyên đi vắng, việc niêm yết đảm bảo chi Đen biết nhưng chị Đ vẫn cố tình vắng mặt với lý do không chính đáng tại các phiên họp, phiên hòa giải, đồng thời cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về mối quan hệ hôn nhân. Điều đó cho thấy chị Đ cũng không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với anh H.

Từ những nhận định trên, thấy rằng mối quan hệ hôn nhân của anh H và chị Đ không đạt được, đời sống chung đã lâm vào trầm trọng, không thể kéo dài nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh H.

- Về con chung: Anh và chị không có con chung.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn chị Cao Thị Cà Đ vẫn vắng mặt không rõ lý do và nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Cao Thị Cà Đ.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H khởi kiện xin ly hôn với chị Cao Thị Cà Đ. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh H và chị Cao Thị Cà Đ kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, chung sống có tổ chức lễ cưới vào năm 2018, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang ngày 05/3/2018, nên theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân xin ly hôn anh H xác nhận là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, nên thường xuyên xảy ra cự cãi, bất hòa. Mặc dù anh H và chị Đ đã tự hòa giải để đoàn tụ nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẩn vợ chồng càng trở nên sâu sắc, và anh chị đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2020 đến nay. Nay anh H xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên yêu cầu được ly hôn với chị Đ.

Phía chị Đ không có ý kiến theo yêu cầu xin ly hôn của anh H.

Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng anh H và chị Đ không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc; thời gian anh, chị sống ly thân nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng và tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận cho anh H được ly hôn với chị Đ.

[4] Về con chung: Anh H xác định quá trình chung sống không có con chung và khi ly thân thì chị Đ cũng không đang mang thai, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh H xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Do chị Cao Thị Cà Đ không có ý kiến tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này có phát sinh tranh chấp về các vấn đề trên chị Đ có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh H được ly hôn với chị Cao Thị Cà Đ.

2/ Về con chung: Anh H xác định quá trình chung sống không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/ Về nợ chung: Anh H xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5/ Về án phí: Buộc anh Nguyễn Thanh H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, anh H được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004948 ngày 04/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 22/4/2024). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN THU IN

* *Nơi nhận:*
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND Tp. Rạch Giá;*
- *Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;*
- *Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu./.*